

Số: **19** /2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **21** tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi
và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 446/TTr-SKHĐT ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc đề nghị ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2017 và thay thế Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Cục

trưởng: Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh; TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Báo TTH, Công TTĐT, TTTTHC;
- VP: Lãnh đạo VP và các CV;
- Lưu: VT, XT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2017/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Ngoài việc được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Quy định này, nhà đầu tư còn được hưởng chế độ ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà đầu tư thuộc đối tượng được hưởng các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư khác nhau theo Quy định này hoặc các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thì được hưởng mức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cao nhất theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và áp dụng

Quy định này áp dụng đối với nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Quy định này và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

Điều 3. Lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư, danh mục dự án kêu gọi đầu tư

1. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ.

2. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư:

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: huyện Nam Đông, huyện A Lưới, khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

b) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Phú Lộc, Phú Vang, thị xã Hương Trà; các khu công nghiệp được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hàng năm và theo từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung và công bố danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư hàng năm và theo từng thời kỳ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Chương II

ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Ưu đãi về thuế và đất đai

Nhà đầu tư được hưởng mức ưu đãi cao nhất trong khung quy định của pháp luật về thuế và đất đai.

Điều 5. Hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào

1. Các dự án thuộc danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành theo từng thời kỳ được hỗ trợ công trình giao thông ngoài hàng rào bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt, quy mô đầu tư đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các công trình điện, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư xây dựng đến công trình để bán trực tiếp cho các nhà đầu tư.

Đối với một số hạ tầng trong hàng rào, tỉnh sẽ xem xét mức hỗ trợ phù hợp tùy theo tính chất, quy mô của dự án từ nguồn ngân sách của địa phương.

2. Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư cụm công trình đầu mối nhà máy xử lý nước thải, nhưng tối đa không quá 10 tỷ đồng.

3. Các doanh nghiệp đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp không được tính các khoản chi phí hỗ trợ đầu tư của Nhà nước vào giá cho thuê đất và phí hạ tầng.

Điều 6. Hỗ trợ giải phóng mặt bằng và rà phá bom, mìn, vật nổ

1. Về hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

a) Các dự án thuộc danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư của tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành hàng năm được tỉnh hỗ trợ bằng cách ứng trước 50% kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng tối đa không quá 5 tỷ đồng/dự án, riêng đối với các dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được hỗ trợ tối đa không quá 10 tỷ đồng/dự án để chi trả cho công tác giải phóng mặt

bằng. Phần kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư còn lại do nhà đầu tư tự bỏ vốn thực hiện và được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

b) Trường hợp nhà đầu tư đã ứng trước để chi trả toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được tính hỗ trợ lãi suất tương ứng với phần kinh phí được nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản này. Mức lãi suất hỗ trợ được tính bằng mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2015. Thời gian hỗ trợ lãi suất được tính từ ngày nhà đầu tư chuyển tiền cho Trung tâm Phát triển quỹ đất để chi trả cho người dân cho đến khi có quyết định giao đất cho nhà đầu tư.

c) Trường hợp nhà đầu tư đã thực hiện nghĩa vụ ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư thì được sử dụng số tiền ký quỹ này để chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

d) Trường hợp nhà đầu tư đã tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư thì được hoãn thực hiện nghĩa vụ ký quỹ tương ứng với số tiền giải phóng mặt bằng, tái định cư đã tạm ứng. Số tiền đã tạm ứng này được phép sử dụng ký quỹ theo quy định.

2. Về hỗ trợ rà phá bom, mìn, vật nổ: Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí rà phá bom, mìn, vật nổ đối với các dự án gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

b) Các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh và dịch vụ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quy định tại Điểm a Khoản này nhưng chưa có chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng.

c) Dự án xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp.

Điều 7. Hỗ trợ đào tạo

Nhà đầu tư tuyển dụng lao động là người có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế để phục vụ các dự án tại địa bàn các khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp thường xuyên sử dụng từ 200 lao động trở lên (có hợp đồng lao động từ 02 năm trở lên và tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định) được hỗ trợ với thời gian và mức hỗ trợ như sau:

- Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/khóa. Mỗi lao động được hỗ trợ đào tạo 01 lần trong suốt thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

- Thời gian hỗ trợ: Dự án đang trong thời gian xây dựng cơ bản và trong 03 năm đầu kể từ ngày dự án đi vào hoạt động.

- Tổng số lượng lao động của một doanh nghiệp được hỗ trợ không vượt quá quy mô số lượng lao động đã đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin

1. Doanh nghiệp được hưởng chính sách ưu đãi trong lĩnh vực công nghệ thông tin nếu đáp ứng các điều kiện:

a) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực: nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực cho ngành công nghệ thông tin; thu thập, tạo lập và xử lý dữ liệu số, thông tin số; nghiên cứu sản xuất thiết bị công nghệ số; sản xuất sản phẩm phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin.

Các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin chưa được quy định tại Điểm này nếu phát sinh trong thực tế triển khai mà xét thấy cần phải hỗ trợ để khuyến khích phát triển thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh, bổ sung.

b) Doanh nghiệp sử dụng lao động trên 50 người (có hợp đồng lao động từ 02 năm trở lên và tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định).

2. Doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này được tỉnh hỗ trợ 50% tiền thuê mặt bằng làm việc trong 03 năm đầu kể từ ngày doanh nghiệp bắt đầu thuê mặt bằng trên địa bàn tỉnh để hoạt động. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/doanh nghiệp/năm và được quy định cụ thể như sau:

Năm thứ nhất: Tối đa không quá 60.000đồng/1m²/tháng.

Năm thứ hai: Tối đa không quá 40.000đồng/1m²/tháng.

Năm thứ ba: Tối đa không quá 20.000đồng/1m²/tháng.

Điều 9. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư

Các doanh nghiệp có dự án quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 Quy định này được hỗ trợ chi phí đi lại để tham gia xúc tiến đầu tư ở nước ngoài theo Kế hoạch xúc tiến đầu tư hàng năm của tỉnh, cụ thể như sau:

- Không quá 50 triệu đồng/lượt/doanh nghiệp.

- Mỗi doanh nghiệp không quá 01 lượt/năm và 04 lượt trong suốt quá trình hoạt động tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 10: Mức khen thưởng đối với hoạt động môi giới đầu tư

Mức khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác vận động kêu gọi dự án đầu tư thuộc danh mục dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh ban hành theo từng thời kỳ (môi giới đầu tư) vào địa bàn tỉnh như sau:

1. Dự án có vốn đầu tư từ 05 triệu USD đến dưới 10 triệu USD: Thưởng 50 triệu đồng.
2. Dự án có vốn đầu tư từ 10 triệu USD đến dưới 30 triệu USD: Thưởng 70 triệu đồng.
3. Dự án có vốn đầu tư từ 30 triệu USD trở lên: Thưởng 100 triệu đồng.

Đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ công chức, viên chức Nhà nước thuộc tỉnh được trích thưởng bằng 10% theo mức quy định trên (không thuộc chức năng được giao).

Kinh phí khen thưởng trên được chi trả 50% khi nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận cần thiết để thực hiện hoạt động xây dựng không chậm hơn tiến độ đã cam kết, tiến hành khởi công xây dựng; được chi đủ 100% khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

Điều 11. Hỗ trợ khác

- Nhà đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương nghiên cứu hoặc khảo sát đề xuất dự án đầu tư sẽ được hỗ trợ 100% phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khi nghiên cứu các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các dự án trọng điểm, có tính chất quan trọng, Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, cho phép áp dụng thêm các hỗ trợ đầu tư ngoài các hỗ trợ theo Quy định này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 12. Hoàn trả kinh phí ứng trước của nhà đầu tư

Trường hợp nhà đầu tư cần thực hiện sớm các hạng mục hỗ trợ nhằm đáp ứng tiến độ dự án đầu tư trong điều kiện ngân sách tỉnh chưa kịp bố trí trong kế hoạch vốn hàng năm, nhà đầu tư có thể ứng trước kinh phí để thực hiện và được tỉnh bố trí hoàn trả khi:

- Nhà đầu tư hoàn thành ít nhất 20% giá trị khối lượng dự án đầu tư (đối với dự án không phân chia làm nhiều giai đoạn).



- Nhà đầu tư hoàn thành ít nhất 20% giá trị khối lượng giai đoạn 01 của dự án đầu tư (đối với dự án phân chia làm nhiều giai đoạn được cấp có thẩm quyền chấp thuận).

Trình tự thủ tục thực hiện các hạng mục hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Xử lý chuyển tiếp

Các dự án đã được hưởng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các chính sách trước đây của tỉnh thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các chính sách đó cho thời gian còn lại. Trường hợp mức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư thấp hơn mức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của Quy định này thì nhà đầu tư được áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của Quy định này cho thời gian còn lại.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương hỗ trợ đầu tư cho các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung và công bố danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư hàng năm và theo từng thời kỳ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các ngành liên quan trong việc đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các hạng mục: công trình kết cấu hạ tầng, rà phá bom, mìn, vật nổ.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bố trí nguồn vốn hỗ trợ, ưu đãi cho các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật hiện hành.

e) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết kiến nghị, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình triển khai và thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn.

g) Tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan trong việc đề xuất chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các hạng mục: bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ xúc tiến đầu tư; hỗ trợ môi giới đầu tư; hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc bố trí nguồn vốn hỗ trợ, ưu đãi cho các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật hiện hành.

3. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh đối với lĩnh vực công nghệ thông tin.

b) Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục xác nhận liên quan đến việc hỗ trợ và ưu đãi đầu tư của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật hiện hành.

4. Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh:

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư cho các nhà đầu tư được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh đối với các dự án nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

b) Tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục xác nhận liên quan đến việc hỗ trợ, ưu đãi đầu tư của các dự án nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật hiện hành.

5. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế có trách nhiệm giải quyết nhanh các thủ tục hành chính liên quan đến nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị mình, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện dự án.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền lợi của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật, đúng nội dung và tiến độ đã cam kết.

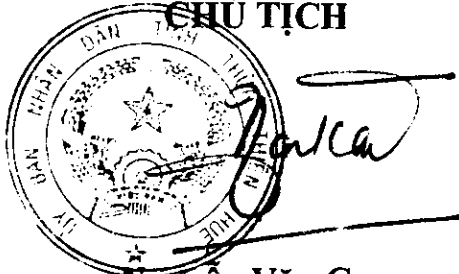
2. Trường hợp dự án có lý do chính đáng về việc triển khai chậm tiến độ đã cam kết, nhà đầu tư phải báo cáo giải trình, cam kết lại tiến độ thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét việc gia hạn tiến độ.

3. Nhà đầu tư chỉ được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo Quy định này khi dự án được thực hiện theo đúng tiến độ đã cam kết và được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân liên quan có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao



Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN THỰC TỤC, QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2017/QĐ-UBND

ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. Quy trình thực hiện

1. Nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đến Ủy ban nhân dân tỉnh (theo Mẫu 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này). Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trả lời cho nhà đầu tư trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Văn bản đề nghị.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện theo đề nghị của nhà đầu tư phù hợp với các quy định tại Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với những hạng mục hỗ trợ được thực hiện bằng nguồn kinh phí ứng trước của nhà đầu tư, sau khi hoàn thành các hạng mục được hỗ trợ (theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình và phi công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước), nhà đầu tư chuẩn bị các loại hồ sơ sau đây và nộp tại cơ quan tiếp nhận và thẩm định hồ sơ để được xem xét việc hoàn trả kinh phí ứng trước:

a) Công văn đề nghị hỗ trợ hoàn trả kinh phí ứng trước của nhà đầu tư (theo Mẫu 2, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này);

b) Văn bản về việc chấp thuận chủ trương ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy tờ tương đương của cấp có thẩm quyền (không áp dụng đối với hạng mục hỗ trợ tiền thuê mặt bằng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin);

d) Quyết định phê duyệt quyết toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hạng mục được hỗ trợ.

đ) Giấy xác nhận của chủ đầu tư (hoặc của tổ chức, cá nhân cho thuê mặt bằng đối với hạng mục hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin) về kinh phí ứng trước của nhà đầu tư (đã chuyển đủ theo giá trị quyết toán).

e) Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành ít nhất 20% giá trị khối lượng công trình của dự án đầu tư (không áp dụng đối với hạng mục hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin).

g) Các hồ sơ chứng từ hợp pháp, hợp lệ liên quan khác theo hướng dẫn của cơ quan đầu mối thụ lý hồ sơ liên quan đến hạng mục cần hỗ trợ.

Các hồ sơ, chứng từ do các nhà đầu tư gửi đến Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ phải là bản gốc hoặc bản sao được công chứng.

II. Cơ quan đầu mối tiếp nhận, thẩm định và thời gian thụ lý hồ sơ hoàn trả kinh phí ứng trước của nhà đầu tư

1. Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế; các dự án vừa nằm ngoài, vừa nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế (không bao gồm nội dung tại Điểm c Khoản này): Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đồng thời là Cơ quan thẩm định hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

b) Đối với các dự án nằm trong khu công nghiệp, khu kinh tế (không bao gồm nội dung tại Điểm c Khoản này): Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh là Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục xác nhận liên quan để chuyển cho các Cơ quan thẩm định hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

c) Đối với hạng mục hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin: Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và thực hiện các thủ tục xác nhận liên quan để chuyển cho các Cơ quan thẩm định hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Cơ quan thẩm định hồ sơ:

- Đối với các công trình kết cấu hạ tầng; rà phá bom, mìn, vật nổ: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Đối với các hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đào tạo; hỗ trợ xúc tiến đầu tư; hỗ trợ môi giới đầu tư; hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin: Sở Tài chính.

3. Số lượng hồ sơ phải nộp: 03 bộ (trong đó có 01 bộ bản chính).

4. Thời gian thẩm định hồ sơ:

- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư, Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Cơ quan thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư, Cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc hoàn trả kinh phí ứng trước cho nhà đầu tư./.

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục 2

Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2017/QĐ-UBND
ngày *21 tháng 4 năm* 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Mẫu 1: Công văn đề nghị chấp thuận chủ trương ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

<NHÀ ĐẦU TƯ>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....
Về đề nghị hỗ trợ <hạng
mục...> phục vụ <dự án đầu
tư...>

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- <Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ>.

Qua nghiên cứu chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh, xét thấy <dự án đầu tư...> thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh, <nhà đầu tư> đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ <hạng mục...> nhằm phục vụ <dự án đầu tư...> với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án đầu tư đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy tờ tương đương của cấp có thẩm quyền; Địa điểm xây dựng; Ngày khởi công, hoàn thành;
2. Tên hạng mục đề nghị hỗ trợ; Dự kiến ngày khởi công, hoàn thành;
3. Dự kiến kinh phí đề nghị hỗ trợ;
4. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác, tính pháp lý của những hồ sơ, chứng từ cung cấp./.

Tài liệu kèm theo:

- Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập doanh nghiệp;
- Bản vẽ sơ đồ vị trí khu đất.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Nhà đầu tư

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2: Công văn đề nghị hoàn trả kinh phí ứng trước của nhà đầu tư**<NHÀ ĐẦU TƯ>****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:/.....
Về đề nghị hoàn trả kinh phí
ứng trước

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế;
- <Cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ>;

Căn cứ Văn bản số ... ngày ... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương ưu đãi và hỗ trợ đầu tư;

Đến nay, nhà đầu tư đã hoàn thành hạng mục được hỗ trợ, kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn trả kinh phí ứng trước của nhà đầu tư với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án đầu tư đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy tờ tương đương của cấp có thẩm quyền; Địa điểm xây dựng; Ngày khởi công, hoàn thành;

2. Tên hạng mục đề nghị hỗ trợ; Ngày khởi công, hoàn thành;

3. Chi phí hạng mục được hỗ trợ theo quyết toán được duyệt;

4. Tên, số tài khoản ngân hàng nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để chuyển tiền;

5. Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác, tính pháp lý của những hồ sơ, chứng từ cung cấp./.

Tài liệu kèm theo:

Các hồ sơ quy định tại Khoản 3,
Mục I, Phụ lục 1 ban hành kèm
theo Quy định này.

....., ngày ... tháng ... năm ...

Nhà đầu tư

(Ký tên, đóng dấu)